

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2022

Số: 499A/BC-CDT

## BÁO CÁO HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG NĂM 2022

### I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

#### 1.1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Bộ máy tổ chức của nhà trường gồm:

- Ban Giám hiệu:

+ 01 Hiệu trưởng

+ 01 Phó hiệu trưởng

Hiện nay Trường đang khuyết một vị trí Phó Hiệu trưởng, hồ sơ xin bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng đã gửi đến cơ quan chủ quản (Bộ Xây dựng) và đang chờ quyết định phê duyệt.

- Phòng chức năng: Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Kiểm định chất lượng và kết nối doanh nghiệp, Phòng Xây dựng cơ bản và quản lý thiết bị, Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Khoa học và Quan hệ quốc tế.

- Khoa: Khoa Xây dựng và quản lý đô thị, Khoa Kỹ thuật đô thị, Khoa Điện – Điện tử, Khoa Cơ khí – Hàn, Khoa Giáo dục chính trị và Khoa học cơ bản.

- Trung tâm: Trung tâm đào tạo ngành nước và môi trường, Trung tâm tư vấn xây dựng và xuất khẩu lao động, Trung tâm đào tạo nghề xây dựng Việt Đức.

- Phân hiệu: Thừa Thiên Huế

- Tính đến tháng 12 năm 2022, tổng số nhân sự của nhà trường là 172 người, trong đó biên chế là 168 người, hợp đồng là 04 người. Số giáo viên trực tiếp giảng dạy và cán bộ quản lý tham gia giảng dạy là 144 người, trong đó trình độ Thạc sĩ trở lên là 84 người.

#### 1.2. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Hiện nay trường đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp cho 31 ngành nghề trình độ cao đẳng và trung cấp.

| ST<br>T | Tên ngành nghề<br>đào tạo | Chỉ tiêu |              | Quy mô đào tạo |              |
|---------|---------------------------|----------|--------------|----------------|--------------|
|         |                           | Cao đẳng | Trung<br>cấp | Cao đẳng       | Trung<br>cấp |
| 1       | Điện công nghiệp          | 140      | 140          |                | 68           |
| 2       | Điện tử công nghiệp       | 90       | 90           |                | 110          |
| 3       | Điện dân dụng             | 140      | 140          |                | 37           |
| 4       | Cấp, thoát nước           | 100      | 140          | 12             | 5            |
| 5       | Hàn                       | 50       | 50           |                | 34           |

|    |   |     |    |    |     |
|----|---|-----|----|----|-----|
| 6  | Kỹ thuật xây dựng                                     | 80  | 80 | 12 |     |
| 7  | Công nghệ kỹ thuật xây dựng                           | 140 | -  | 1  |     |
| 8  | CNKT Kiến trúc  | 30  | -  | 33 |     |
| 9  | Quản lý xây dựng                                      | 30  | -  | -  |     |
| 10 | Tin học ứng dụng                                      | 30  | 50 | 12 | 218 |
| 11 | CNKT Môi trường                                       | 30  |    | -  |     |
| 12 | Công nghệ kỹ thuật trắc địa                           | 30  | -  | -  | -   |
| 13 | Công nghệ kỹ thuật chiếu sáng đô thị                  | -   | 50 | -  | -   |
| 14 | Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ                        | -   | 90 |    | -   |
| 15 | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa          | 30  | -  | 73 | -   |
| 16 | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động              | -   | 50 | -  | 114 |
| 17 | Thiết kế nội thất                                     | 35  | 30 | 28 | 103 |
| 18 | Kế toán doanh nghiệp                                  | 30  | 30 | -  | 131 |
| 19 | Điện công nghiệp và dân dụng                          | -   | 50 | 18 | 176 |
| 20 | Điện – Nước   | -   | 50 | -  | 34  |
| 21 | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí               | 25  | 25 | 14 | 119 |
| 22 | Thiết kế đồ họa                                       | 30  | 30 | -  | 247 |
| 23 | Quản trị mạng máy tính                                | 30  | 30 | -  | -   |
| 24 | Công nghệ kỹ thuật hạ tầng đô thị                     | 50  | 50 | -  | -   |
| 25 | Công nghệ ô tô  | 30  | 60 | 31 | 258 |
| 26 | Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp | 25  | 25 | 44 | 137 |
| 27 | Cơ điện tử  | 25  | 25 | -  | 2   |
| 28 | Kỹ thuật thoát nước và xử lý nước thải                | 25  | 25 | -  | -   |
| 29 | Quản trị khách sạn                                    | 30  | 30 | -  | -   |
| 30 | Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống                  | 30  | -  | 12 | -   |

|    |                              |              |              |            |              |
|----|------------------------------|--------------|--------------|------------|--------------|
| 31 | Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn | 30           | -            | -          | 436          |
|    | <b>Tổng cộng</b>             | <b>1.325</b> | <b>1.330</b> | <b>290</b> | <b>2.229</b> |

### 1.3. Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng

Phòng Kiểm định chất lượng và kết nối doanh nghiệp là đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng, theo Quyết định số 95/QĐ-CDT ngày 01/3/2018. Nhân sự của Phòng Kiểm định chất lượng và kết nối doanh nghiệp hiện này là 07 người.

| TT | Họ và tên            | Chức vụ      |
|----|----------------------|--------------|
| 1  | Nguyễn Tuấn Anh      | Trưởng phòng |
| 2  | Phùng Thị Kim Dung   | Phó phòng    |
| 3  | Nguyễn Thị Hằng Nga  | Chuyên viên  |
| 4  | Đào Quỳnh Trang      | Chuyên viên  |
| 5  | Phạm Thị Phương Loan | Chuyên viên  |
| 6  | Trần Tuấn Phong      | Chuyên viên  |
| 7  | Nguyễn Hữu Hùng      | Nhân viên    |

Điện thoại: 0243.8780034

Phụ trách: Trưởng phòng Nguyễn Tuấn Anh – SĐT: 0912.272396

Email: ntuananh08@gmail.com

## II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

### 2.1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng đang vận hành

#### a) Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo có ý nghĩa quan trọng góp phần quyết định chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường sức cạnh tranh quốc gia. Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo có chất lượng sẽ khẳng định thương hiệu, uy tín và lợi thế cạnh tranh trong tuyển sinh đào tạo và cơ hội đầu tư. Do đó đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp không chỉ là mối quan tâm của cơ quan quản lý Nhà nước, của các cơ quan chủ quản mà còn là mối quan tâm trực tiếp của mỗi cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Cho nên việc xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng đào tạo đối với cơ sở giáo dục là vô cùng cần thiết, giúp Nhà trường nhìn nhận lại thực tế những gì mà trường làm được để từ đó xác định hướng đi cho phù hợp.

Hệ thống bảo đảm chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp là hệ thống các chính sách, quy trình, công cụ đối với tất cả lĩnh vực, nội dung quản lý của cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Bảo đảm chất lượng là một quá trình liên tục và không có điểm dừng, đòi hỏi các trường phải xây dựng một hệ thống bảo đảm chất lượng phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển của trường, duy trì hoạt động của hệ thống, thực hiện đánh giá và cải tiến liên tục hệ thống bảo đảm chất lượng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, khẳng định thương hiệu và uy tín của trường trong xu thế cạnh tranh, hội nhập và toàn cầu hóa.

TRƯỜNG  
:AO  
XÂY  
:NG  
ĐỒ

**b) Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng**

**b1) Căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng**

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

**b2) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng**

- Thực hiện các quy định của pháp luật về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Giúp cho công tác tổ chức, hoạt động của nhà trường trên tất cả các lĩnh vực được thực hiện đầy đủ, kịp thời và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Trên cơ sở kết quả vận hành hệ thống và đánh giá hiệu quả hoạt động sẽ giúp nhà trường xây dựng các chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng, chương trình, dự án cải tiến chất lượng phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của trường cũng như đáp ứng các yêu cầu mới của quá trình phát triển.

**b3) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng**

- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo phù hợp với mục tiêu đào tạo của trường;

- Thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của trường trong từng giai đoạn;

- Nhấn mạnh vai trò của nhà quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của trường và lấy người học làm trung tâm;

- Huy động sự tham gia của tất cả cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, người học;

- Tiếp cận theo quá trình, gắn kết với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Phù hợp với thực tiễn của trường, dễ vận hành, thuận tiện trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá và cải tiến.

**b4) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng**

- Đánh giá thực trạng công tác bảo đảm chất lượng, hoàn thiện tổ chức nhân sự và các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Lập kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng;

- Tổ chức hướng dẫn về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên;

- Hiệu trưởng phê duyệt các nội dung thuộc hệ thống bảo đảm chất lượng;

Hệ thống bảo đảm chất lượng được công bố công khai để toàn thể cán bộ, nhà trường và các đối tượng khác có liên quan biết và triển khai thực hiện.

**c) Chính sách chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ để đáp ứng các tiêu chí trường chất lượng cao.

- Đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho học sinh, sinh viên trong mọi hoạt động của Nhà trường.
- Tăng cường công tác tuyển sinh đặc biệt là tuyển sinh hệ cao đẳng.
- Nâng cao năng lực thực hành của người học đáp ứng yêu cầu xã hội.
- Đảm bảo tốt nhất cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, tài liệu tham khảo cho người học
- Tổ chức rà soát, điều chỉnh bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo đảm bảo cập nhật công nghệ và đáp ứng yêu cầu của xã hội.
- Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp trong quá trình đào tạo và sát hạch.
- Đẩy mạnh hoạt động tư vấn giới thiệu việc làm cho sinh viên.
- Xây dựng, duy trì có hiệu quả và thường xuyên cải tiến, phát triển Hệ thống bảo đảm chất lượng của Nhà trường.

**d) Mục tiêu chất lượng của cơ sở giáo dục**

*- Về công tác tổ chức:*

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của từng phòng, khoa, trung tâm xác định các yêu cầu về công việc, về nhân sự để đánh giá mức độ hoàn thành công việc. Tiếp tục sắp xếp lại tổ chức đối với các nhân sự chưa phát huy được vai trò, bố trí lại nhân sự đối với các vị trí chưa hợp lý.

Xem xét công tác tuyển dụng và bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại cán bộ trong nhiệm kỳ sắp tới. Bổ sung đội ngũ giáo viên, khuyến khích nhà giáo học chuyển đổi đối với các nghề không có học sinh sinh viên, đảm bảo tỷ lệ quy đổi giáo viên – học sinh theo nghề, đáp ứng yêu cầu công việc.

Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, nhà giáo. Cử nhà giáo tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, về ngoại ngữ, tin học, kỹ năng... đáp ứng chuẩn nhà giáo GDNN đã ban hành.

Mục tiêu mức độ hài lòng về các hoạt động và chính sách của nhà trường của cán bộ viên chức, nhà giáo, người lao động đạt 95% trở lên.

*- Về công tác đào tạo:*

Tăng cường công tác giáo viên chủ nhiệm, công tác giáo dục học sinh sinh viên, củng cố nề nếp học tập nhằm hạn chế tỷ lệ học sinh nghỉ học. Tập trung đẩy mạnh công tác quản lý học sinh, sinh viên nhằm giáo dục đạo đức, rèn luyện ý thức học sinh, sinh viên. Giải quyết kịp thời các quyền lợi, các chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên như học bổng, khen thưởng, miễn giảm học phí... Tổ chức thường xuyên các buổi sinh hoạt ngoại khóa, các buổi sinh hoạt chuyên môn để quán triệt các nội quy, quy định đối với học sinh, sinh viên và cập nhật thường xuyên lên website nhà trường. Mục tiêu học sinh, sinh viên bỏ học giảm xuống dưới 5%. Số học sinh, sinh viên tốt nghiệp đạt trên 98%, trong đó số học sinh, sinh viên đạt loại khá, giỏi đạt trên 60%.

Nâng cao chất lượng đào tạo, tối ưu hóa chương trình đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp, đồng thời phát triển và ứng dụng các giáo trình của Đức chuyên giao để khai thác và nâng cao hiệu quả của dự án chuyển giao Việt Đức.

Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, liên thông, đào tạo gắn với yêu cầu của doanh nghiệp. Tăng cường mối quan hệ với các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp để



đưa học sinh sinh viên đi thực tập môn học, thực tập tốt nghiệp.

Xây dựng đội ngũ nhà giáo có trình độ chuyên môn, có phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu của hoạt động GDNN trong tình hình mới, tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng theo quy định.

- Về công tác tuyển sinh:

Tiếp tục cải tiến công tác tuyển sinh đặc biệt là tuyển sinh hệ Cao đẳng. Tiếp xúc với đối tượng tuyển sinh bằng nhiều hình thức và thời điểm thích hợp. Tăng cường quảng bá hình ảnh của nhà trường trên website, trên tờ rơi, trên phương tiện truyền thông khác. Mở rộng vùng tuyển sinh sang các địa bàn ngoài thành phố.

- Về công tác tài chính, đầu tư mua sắm cơ sở vật chất:

Nghiên cứu xây dựng phương án triển khai các dịch vụ bằng hình thức xã hội hóa, đáp ứng theo yêu cầu đào tạo của xã hội, tăng cường các nguồn thu cho nhà trường nhằm cải thiện đời sống cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động.

- Về công tác đoàn thể, chăm lo đời sống CBVC-NLĐ, quan tâm hỗ trợ HSSV:

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ đoàn viên công đoàn theo quy định của nhà nước, chăm lo tốt tới đời sống vật chất, tinh thần của viên chức, người lao động.

Tiếp tục tổ chức các hoạt động đoàn thể cho HSSV nhà trường như văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn, hoạt động thể thao, tìm hiểu lịch sử, hoạt động của các câu lạc bộ cho HSSV...

#### **đ) Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng được thực hiện xây dựng và vận hành**

Các lĩnh vực quản lý chất lượng của trường được xác định trên cơ sở các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo thông tư số 15/2017/TT/BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh Xã hội quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, trọng tâm các lĩnh vực quản lý chất lượng của trường:

- Quản lý chất lượng dạy và học;
- Quản lý chất lượng chương trình, giáo trình đào tạo;
- Quản lý chất lượng đội ngũ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động;
- Quản lý chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, thư viện;
- Quản lý chất lượng dịch vụ người học và sau khi tốt nghiệp ra trường.

#### **e) Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng (giới thiệu đơn vị chủ trì công tác; tóm tắt thực trạng hạ tầng thông tin của cơ sở giáo dục nghề nghiệp)**

Phòng Kiểm định chất lượng và kết nối doanh nghiệp phụ trách công tác lập kế hoạch và phối hợp với các đơn vị trong nhà trường triển khai xây dựng hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng.

Hạ tầng thông tin của trường Cao đẳng Xây dựng Công trình Đô thị hiện nay đang được Phòng kiểm định chất lượng và kết nối doanh nghiệp phụ trách: quản lý Website trường; thực hiện việc biên tập, đăng bài, thông tin, tài liệu lên Website; quản lý hệ thống server để cung cấp, lưu trữ thông tin, tài liệu của toàn trường.

### **2.2. Đánh giá, cải tiến**

### **a) Đánh giá**

*a1) Tổng số đợt đánh giá: 01 (đánh giá ngoài năm 2022)*

Trên cơ sở các quy định tại thông tư số 15/2017/TT/BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh Xã hội và thông tư số 28/2017/TT/BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh Xã hội, năm 2018 trường triển khai thực hiện xây dựng hệ thống quy trình, công cụ đảm bảo chất lượng. Các quy trình này được ban hành vào tháng 7/2018 đến nay vẫn đang sử dụng. Đến nay trường đã thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp 05 lần trong các năm 2018, 2019, 2020, 2021 và 2022. Và thực hiện 01 lần đánh giá ngoài tháng 2 năm 2022.

*a2) Tổng số đơn vị thuộc trường thực hiện tự đánh giá: 12/15 đơn vị*

Việc tự đánh giá các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng đang thực hiện tại 12/15 đơn vị. Khối Trung tâm (03 trung tâm) đang trong thời kỳ sắp xếp để thực hiện tự chủ nên chưa thực hiện tự đánh giá.

### **b) Cải tiến**

Sau đợt đánh giá ngoài năm 2022 nhà trường đã tiến hành chỉnh sửa 01 quy trình (QT02.ĐT – Chính sửa, bổ sung Chương trình đào tạo).

Trường cũng bổ sung 04 quy trình bao gồm: Quy trình thực hiện tự đánh giá cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo, Quy trình khảo sát cán bộ viên chức, nhà giáo người lao động, Quy trình khảo sát học sinh sinh viên, Quy trình lưu trữ hồ sơ tài liệu. Tổng số quy trình đang thực hiện đến tháng 12/2022 là 22 quy trình.

## **III. Đánh giá chung**

### **3.1. Ưu điểm**

Trường luôn xác định mục tiêu bảo đảm chất lượng là bảo đảm sự sống còn của nhà trường. Công tác đảm bảo chất lượng luôn nhận được sự quan tâm của tất cả các đơn vị và đội ngũ công chức, viên chức và người lao động trong nhà trường.

Trong năm 2021, nhà trường đã mời chuyên gia kiểm định thuộc Viện đào tạo và phát triển nhân lực tới trường tập huấn công tác bảo đảm chất lượng cho đội ngũ cán bộ nhân viên và nhà giáo thực hiện công tác tự đánh giá của trường.

Nhìn chung, công tác xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được thực hiện tốt. Các mặt hoạt động chính của trường đã được các bộ phận chuyên môn nghiên cứu, thảo luận để xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng phù hợp với yêu cầu của pháp luật và điều kiện thực tế của nhà trường.

### **3.2. Tồn tại, hạn chế**

Trường mới xây dựng được một số quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng theo yêu cầu của Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH. Các quy trình, công cụ đảm bảo chất lượng này vẫn chưa đủ để quản lý hết tất cả các hoạt động trong nhà trường.

Một số biểu mẫu, báo cáo nhà trường đã thực hiện không khớp với mẫu của cơ quan kiểm định.

### **3.3. Nguyên nhân**

Kinh nghiệm về lĩnh vực bảo đảm chất lượng của nhà trường nói chung và của bộ phận phụ trách nói riêng vẫn còn hạn chế vì phải thực hiện nhiều nhiệm vụ

khác của cơ quan, bộ phận chuyên trách thực hiện công tác xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng là các giáo viên kiêm nhiệm vừa giảng dạy vừa thực hiện các công việc đảm bảo chất lượng nên cũng có phần ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

### 3.4. Đề xuất

Nhằm nâng cao hiệu quả của xây dựng và triển khai vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường Cao đẳng Xây dựng Công trình Đô thị đề xuất như sau:

- Đề nghị Tổng cục giáo dục nghề nghiệp tăng cường tổ chức thêm các lớp tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên làm công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng, tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

**Nơi nhận:**

- TCDGNN;
- Sở LĐTBXH;
- Bộ Xây dựng;
- Ban Giám hiệu;
- Lãnh đạo các đơn vị;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



Trịnh Văn Dũng



Phụ lục 1: Mẫu Báo cáo Sơ về tình hình triển khai hệ thống báo đảm chất lượng bên trong cơ sở GDNN năm 2022

Trường Cao đẳng Xây dựng Công trình Đô thị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2022

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI HỆ THỐNG BÁO ĐẢM CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2022

(tính đến tháng 12/2022)

1. Thống kê tình hình triển khai xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến và báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng (HTBĐCL) của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (CSGDNN) trên địa bàn

| STT | Tên Cơ sở giáo dục nghề nghiệp                         | Đã xây dựng | Thực trạng Hệ thống BĐCL của CSGDNN |                           |   | Lập kế hoạch cải tiến Hệ thống BĐCL | Thực hiện báo cáo Hệ thống BĐCL | Ghi chú |   |
|-----|--|-------------|-------------------------------------|---------------------------|---|-------------------------------------|---------------------------------|---------|---|
|     |  |             | Tình hình xây dựng và vận hành      | Tự đánh giá Hệ thống BĐCL | Số lượng quy trình, công cụ đã đưa vào vận hành |                                     |                                 |         |   |
| 1   | Cao đẳng<br>Trường Cao đẳng Xây dựng Công trình đô thị | 1           | 22                                  | 22                        | 5   | 6                                   | 1                               | 8       | 9 |

(Hướng dẫn điền thông tin:

Cột (3): Đã xây dựng ghi số "1", chưa xây dựng ghi số "0", nếu ghi số (1) thì điền tiếp thông tin các cột tiếp theo

Cột (4): Ghi bằng số về số lượng quy trình, công cụ đã xây dựng

Cột (5): Ghi bằng số về số lượng quy trình, công cụ đã đưa vào vận hành tại CSGDNN

Cột (6): Đã thực hiện tự đánh giá HTBĐCL năm 20...ghi số "1", chưa thực hiện ghi số "0"

Cột (7): Đã lập kế hoạch cải tiến HTBĐCL ghi số "1", chưa thực hiện ghi số "0"

Cột (8): Đã thực hiện báo cáo HTBĐCL theo quy định tại điều 12 Thông tư 28 ghi số "1", chưa thực hiện ghi số "0".

2. **Đánh giá việc thực hiện quy định hệ thống BĐCL của các cơ sở GDNN trên địa bàn và đề xuất, kiến nghị (nếu có)**

\* Thuận lợi:

- Giúp nâng cao năng lực quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của trường.
- Giúp điều hành nội bộ và kiểm soát công việc tốt hơn.
- Chất lượng công việc được cải tiến thường xuyên.
- Trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên được quy định rõ ràng.

\* Khó khăn: Việc thay đổi mô hình quản lý theo quy trình là công việc khó khăn, phức tạp vì phát sinh thêm nhiều giấy tờ cần có sự quyết tâm, hợp tác của lãnh đạo và cán bộ nhân viên toàn trường

\* Đề xuất, kiến nghị (nếu có): Có các lớp tập huấn tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho toàn bộ cán bộ, giáo viên ở các trường. Có chính sách hỗ trợ cho các trường trong công tác kiểm định chất lượng

*Tr*  
**Nơi nhận:**

- Bộ xây dựng (để b/c);
- TCGDNN (để b/c);
- Sở LĐTB&XH (để b/c);
- Lưu: VT, P.KĐCL&KNDN.

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2022

**TRẦN VĂN DŨNG**



**Trần Văn Dũng**